

# BÀ CHÚA HÒI



OSWALDO GUAYASAMIN

## KHUẤT ĐẦU

Bọn trẻ đang chơi đùa âm ỉ bỗng bỏ chạy khi có một đứa kêu lên : Kìa, bà chúa Hời, bây ơi !

Từ xa, một người đàn bà cao, gầy và thẳng như một cây gậy đang gõ những bước như đếm trên con đường dẫn vào làng. Không cần nhìn cách ăn mặc gần như trùm kín từ đầu đến chân giống như tẩn liệm, người ta cũng dễ nhận ra đây không phải là người trong làng và dưới mắt bọn trẻ, bà có vẻ như một mụ phù thủy, nửa bí mật nham hiểm, nửa dại dai khờ khờ.

Khi bà đi ngang qua, đứa lớn nhất trong bọn bỗng túm áo một đứa đầy về phía bà, bảo: Con của bà đây, bà ơi! Đứa bé vừa sợ vừa mắc cỡ liền quay lại đấm thùm thụp vào lưng đứa lớn khiến cả bọn lăn ra cười.

Bà cứ thản nhiên bước đi, lưng vẫn thẳng, hông vẫn đong đưa và hai tay đánh đàn xa như múa, trong khi chiếc nùng đặt trên đỉnh đầu không vì thế mà nghiêng ngả hay xê xích một ly nào.

Bọn trẻ bắt chước đi theo một cách vụng về, hài hước. Chúng vung tay, múa chân, lắc mông loạn xạ; nhưng chỉ được một lúc lại đâm ra chán, bỏ mặc bà đi một mình.

Trời về chiều, càng lúc cái bóng bà lại càng dài ra trông như một cây sào.

Bà chúa Hời, là tên gọi của lũ trẻ đặt cho bà, chứ thật ra chẳng ai biết bà tên gì và cũng chẳng ai muốn biết. Trong những câu chuyện xa xưa về xứ Đồ Bàn của lưu dân Bình Định, cái tiếng *Hời* luôn gắn liền với *thư*. Bụng bỗng đau như dao cắt hay phình to ra như cái trống, thế là ai cũng bảo: “Thôi, bị Hời nó thư rồi”, và sau đó thường kể vanh vách dù không thấy, rằng thầy Hời đã lấy từ trong bụng ra cả một con dao sắc hay cục đá to bằng cái bát!

Tuy vậy, cái tiếng *Hời* cũng không khiến ai kinh sợ chi mấy. Người ta nhắc tới cứ như một lời dỗ dành kiểu mẹ xin lỗi đã lỡ làm đau con. Trong những câu hát ru bao giờ người ta cũng mở đầu và kết thúc bằng hai tiếng *hời hời* chứ không phải *à ơi*.

Người đàn bà Chăm ấy, thôi thì cũng bắt chước bọn trẻ mà gọi là bà chúa Hời, chẳng ai biết là bao nhiêu tuổi. Có thể là một trăm, mà cũng có thể là một ngàn, bởi vì trông bà cứ như bước ra từ một thời cổ lai xa lắc xa lơ nào đó. Cái khuôn mặt không bao giờ che chắn suốt ngàn ấy năm bị thời gian và mưa nắng quất những ngọn roi ngang dọc để lại những vết nhăn sâu hoắm như khắc chạm trên đá. Lại thêm cái màu da cổ đồng, trông cứ như một cái mặt nạ bằng đất nung, nung quá lửa đã biến thành sành. Đố ai biết được che giấu dưới lớp đất nung ấy là niềm vui, nỗi buồn hay là một nỗi hờn giận khôn nguôi.

Dưới mắt của những lưu dân mà ông cha họ trước kia là những kẻ bị vua chúa lưu đày, người dân Hời nào cũng là cả một bí mật. Họ rụt rè, ngần ngại, rất ít khi tiếp xúc chuyện trò. Có vẻ như một nỗi sợ mơ hồ vẫn còn âm ỉ chảy trong máu mỗi người. Trước kia là sợ bị dân Hời đòi lại đất đai ruộng vườn, giờ là sợ chạm đến nỗi đau mất cả quê hương của họ. Cho nên, bà chúa Hời dẫu có đi từ sáng đến chiều, từ làng này sang làng nọ, cũng chẳng một ai lên tiếng hạch hỏi kể cả tráng đinh hay hào lý.

Bà cứ đi như trong vườn nhà mình, phum sóc của chính mình. Cứ đi như năm trăm hay một ngàn năm trước. Cứ đi như thuở Ché Mân chưa đại gái mà dâng nộp hai châu Ô Rí, như Ché Bồng Nga thuở còn dong thuyền ra tận thành Thăng Long. Cứ đi như một con sông dài bất tận.

Cái dáng bà đi thanh mảnh lẻ loi nhưng vững chắc và không cô độc. Như những ngọn tháp của dân tộc bà. Những ngọn tháp, một ngàn hay mười ngàn năm nữa rồi cũng sẽ lại trở về với đất. Nhưng cái vết khắc của nó lên tấm gương thời gian vô tận là bất diệt, cho dù dân tộc Hời còn hay mất.

Lúc này là đêm, bà đang ở trên đất Đò Bàn. Cái kinh thành tráng lệ với những ngựa những voi mà ngay cả móng chân cũng được bịt bằng vàng, giờ hoang liêu cô tịch. Trên nền đất đỏ như máu, chỉ có thể sống nổi những cây bàn chải mà mỗi chiếc lá đều biến thành gai nhọn để làm vũ khí tự vệ, bà ngồi lặng yên, lắng nghe những âm thanh rộn rã của ngàn xưa vọng về. Tiếng kêu lanh canh của những lục lạc nhỏ bằng vàng đeo trên tay và chân, trên hông và háng của các vũ nữ. Không phải họ mua vui cho các ông hoàng như người ta lầm tưởng mà họ đóng vai nữ thần Apsara múa lại những điệu múa huyền bí. Cả thân mình họ : những tay óng đẹp như chuốt, những chân mềm như đúc bằng sáp, những rốn sâu ngực cao, lúc thì mạnh mẽ như hạt mầm bật ra khỏi lòng đất, lúc lại lóng thớm tho như đồng lúa trổ, lúc quán quít như rắn đực rắn cái huê tình, những điệu múa tưởng phôi mờ thực ra là kín đáo trang nghiêm. Bởi vì, đó là cách thức Mẹ dạy cho con cách làm nhà, cách trồng trọt, chế biến thức ăn và những cách thể yêu nhau để biết thế nào là lạc thú của trần gian và để sinh con đẻ cái.

Rất lâu sau đó, bà úp hai bàn tay lên mặt rồi phủ phục trên nền đất đã thấm ướt sương đêm. Trong khi các vì sao chuyển động lặng lẽ trên cao, bà nghe như đâu đây vọng lại tiếng đập cánh của một loài chim đêm. Tiếng đập mỗi lúc một non nao, mạnh mẽ, không phải tiếng đập của chim cú hay chim vạc mà là của một con chim thần, bay từ cõi hồng hoang xa thẳm, đưa các vị chúa Hời đang ngự trị trên đôi cánh rộng như hai cánh bướm, về thăm lại cái vương quốc xa xưa. Bà ngẩng mặt trông lên, tưởng chừng như thấy cả một áng mây che ngang trời: Đò Bàn rực rỡ của bà bay vút qua như một giấc mộng.

Giữa trái tim của cổ đô tưởng chừng đã khô hết máu, bà đã nghe ra những gì muốn nghe, đã thấy những gì muốn thấy. Bà yên lòng khép mắt, ngủ một giấc dài cho đến khi những đứa trẻ chăn dê lừa bầy dê luôn miệng kêu be be đi ngang qua đánh thức bà dậy. Vẫn giống như những đứa trẻ hôm qua, chúng lại hét lên, “Kìa, bà chúa Hời”, lần này lại có thêm một tiếng : Điên !

Giờ, đang là lúc mặt trời sắp lặn. Ánh sáng dữ dội hắt lên sau lưng những ngọn tháp khiến những đường nét trở nên sắc cạnh, tưởng chừng không phải do người mà do thần linh tạc vào nền trời. Người ta lại trông thấy bà chúa Hời một mình, nhưng không phải trên những con đường đất mà trên sông. Bà đứng trên một chiếc bè kết bằng thân chuối và tre, chắc do bà tự làm lấy, cùng với một cây sào dài thỉnh thoảng rap mình đẩy nó xuôi theo dòng nước. Con sông mùa hạ, phẳng lặng và hiền như một cô con gái nhà lành, chỉ để lại đôi nét nhăn mờ hồ trên vầng trán đẹp.

Đây là con sông chảy qua kinh thành Đồ Bàn, xuôi về đầm Thị Nại. Con sông đã đưa Huyền Trân trốn thoát ra biển để về cố quốc và cũng từng bùng đón đoàn thuyền bách chiến của Chế Bồng Nga trở về.

Thọc sâu cây sào xuống nước, có lúc bà tưởng chừng đây là dòng nước mắt của cả dân tộc. Cũng có lúc bà rùng mình tưởng là máu khi ánh hoàng hôn đỏ ối trên mặt sông. Nhưng trong gió chiều, bà nghe như muôn ngàn tiếng trống paranưng bập bùng, tiếng cồng chiêng chen lẫn với tiếng voi gầm ngựa hí.

Chiếc bè sau một lúc lướt qua những nương bắp ruộng dâu, dừng lại dưới chân một ngọn đồi, trên đó sừng sững một ngọn tháp cô quạnh mà cái bóng của nó như một khối ngọc khổng lồ đang ngâm mình trong nước.

Rất gọn và nhanh, bà đưa bè vào sát chân đồi, cắm sào để nó khỏi trôi theo dòng nước rồi đặt chiếc nừng lên đầu, cổ và lưng vẫn thẳng, thông thả bước lên cao. Vượt qua những đám cây thấp nhỏ, chẳng mấy chốc bà đã đứng dưới chân tháp cao vòi vọi.

Ngôi tháp đồ sộ giống như một trái tim dựng ngược. Mặt trước đã bị đục phá nham nhở, không phải do thời gian mà do người. Không ngạc nhiên về điều đó, bà bình thản bước qua đồng gạch đổ nát đi vào bên trong. Lũ dơi nghe động bay ra đen kịt. Bà đứng yên, nhắm nghiền mắt đợi cho chúng bay đi hết.

Giờ là lúc bà ngửa cổ trông lên. Trong lòng tháp sẫm màu, vút lên cao, cái miệng tháp hình vuông sáng ngời như tráng bạc. Đây là nơi ánh sáng giữa ngọ cắm thẳng giữa lòng tháp như một cây cột cao, là nơi ánh trăng rằm nửa đêm rớt xuống như thác. Và đây cũng chính là nơi các thần linh sớm tối đi về.

Đêm nay là đêm rằm, bà phủ phục giữa lòng tháp đợi chờ giây phút hiển linh. Sự chờ đợi lâu dài đến nỗi chiếc bè dưới bến sông tự rời ra từng mảnh, trôi đi.

Chẳng biết bà còn sống hay đã chết, nhưng chắc là đã được gặp các vị thần, đã được khóc than cho nguôi nỗi niềm của những đứa con lạc loài đã tự đánh mất và bị cướp mất gần như tất cả.

*Khuất Đâu*